TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **190**/2026/QĐST-VHNGĐ	*Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 03/2026/TLST-VHNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1992; CCCD số 024092012677 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/12/2022; Thường trú: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh; Địa chỉ hiện tại: Nhà trọ Nguyễn Văn T, 1/DC60/12, khu phố H, phường T, phố H;

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991; CCCD số 038191000425 do Bộ C1 cấp ngày 11/8/2024; Địa chỉ: 421/60/2, tổ A, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 36, đăng ký ngày 13/8/2015).

Nay ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 05/9/2015 và cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/8/2017. Ly hôn, ông S, bà T1 thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh C và cháu Nguyễn Đức A cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông S không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông S, bà T1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 05/9/2015 và cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/8/2017 cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0011390 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông S, bà T1 đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- THADS khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- THADS Đồng Nai (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Võ Văn Toàn